

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu Quốc tế Hoa Lư

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế, chính sách tài chính đối với Khu kinh tế cửa khẩu;

Căn cứ Thông tư số 109/2014/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế, chính sách tài chính đối với Khu kinh tế cửa khẩu;

Căn cứ khoản 2, Điều 2 Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 62/TTr-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 32/BC-HĐND-KTNS ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua quy định mức thu, quản lý phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu Quốc tế Hoa Lư tỉnh Bình Phước như sau:

1. Đối tượng nộp phí: các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hoạt động kinh doanh, dịch vụ có phương tiện vận tải hành khách và vận tải hàng hóa xuất, nhập khẩu ra, vào Cửa khẩu Quốc tế Hoa Lư.

2. Đối tượng miễn nộp phí: xe cứu thương; xe cứu hỏa; xe hộ đê; xe làm nhiệm vụ khẩn cấp về chống lụt bão; xe chuyên dụng phục vụ quốc phòng, an ninh; xe ô tô của lực lượng công an, quốc phòng sử dụng vé “phí đường bộ toàn quốc”; xe mô tô hai bánh, xe hai bánh gắn máy; xe ba bánh gắn máy; xe làm nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp khi có thảm họa lớn, dịch bệnh nguy hiểm; xe có hộ tống, dẫn đường; xe công vụ gồm: xe cơ quan Đảng, nhà nước, đoàn thể (không bao gồm xe của doanh nghiệp nhà nước) đi công tác; xe của đoàn công tác nước ngoài được miễn trừ ngoại giao theo quy định của nhà nước.

3. Cơ quan thu phí: Ban Quản lý Cửa khẩu Quốc tế Hoa Lư.

4. Mức thu phí

ĐVT: đồng/xe/lần ra vào

| STT | PHƯƠNG TIỆN CHỊU PHÍ | MỨC THU | GHI CHÚ |
|------------|---|--|---------|
| | Phương tiện vận tải hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; phương tiện vận tải hàng hóa tạm nhập tái xuất, hàng hóa tạm xuất tái nhập, hàng hóa chuyên khẩu, hàng hóa của nước ngoài gửi kho ngoại quan, hàng hóa quá cảnh, hàng hóa chuyên cảng | | |
| I | Đối với hàng hóa là hoa quả, nông sản | | |
| 1 | Xe ô tô có tải trọng từ 02 đến dưới 04 tấn | 100.000 | |
| 2 | Xe ô tô có tải trọng từ 04 đến dưới 10 tấn | 120.000 | |
| 3 | Xe ô tô có tải trọng từ 10 đến dưới 18 tấn; xe chở hàng bằng container 20fit | 200.000 | |
| 4 | Xe ô tô có tải trọng từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container 40fit | 250.000 | |
| II | Đối với hàng hóa khác (trừ các loại gỗ) | | |
| 1 | Xe ô tô có tải trọng từ 02 đến dưới 04 tấn | 140.000 | |
| 2 | Xe ô tô có tải trọng từ 04 đến dưới 10 tấn | 220.000 | |
| 3 | Xe ô tô có tải trọng từ 10 đến dưới 18 tấn; xe chở hàng bằng container 20fit | 250.000 | |
| 4 | Xe ô tô có tải trọng từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container 40fit | 300.000 | |
| III | Đối với hàng hóa là gỗ | | |
| 1 | Đối với phương tiện chở gỗ từ nhóm 1, 2, 3 | Mức thu áp dụng bằng 1,5 lần đối với hàng hóa khác | |
| 2 | Đối với phương tiện chở gỗ không thuộc gỗ nhóm 1, 2, 3 (gỗ có giá trị thấp, củi đốt,...) | Mức thu áp dụng bằng đối với hàng hóa khác | |

| Phương tiện vận tải hành khách | | | |
|--------------------------------|-----------------------|--------|--|
| 1 | Từ 20 đến 30 chỗ ngồi | 30.000 | |
| 2 | Trên 30 chỗ ngồi | 50.000 | |

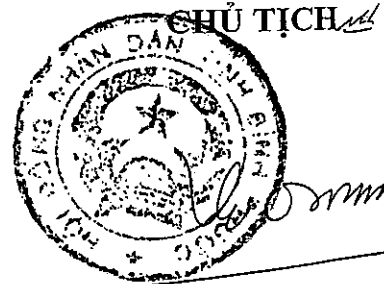
5. Quản lý nguồn thu: số phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng thu được nộp 100% vào ngân sách nhà nước.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 7 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- L&VP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT.



Trần Tuệ Hiền